TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **268**/2017/QĐST–HNGĐ	*An Phú, ngày 05 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2017/TLST/HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Cao Văn T,** sinh năm: 1983; Địa chỉ: số 5..., ấp V P, xã V Hội Đông, huyện An Phú, An Giang.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hg**, sinh năm 1992; Địa chỉ: số 5.., ấp V P, xã V Hội Đông, huyện An Phú, An Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng N**, người đại diện theo Quyết định 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N là bà Nguyễn Thị Bạch Y – Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh An Phú, người được bà Y ủy quyền lại là bà Nguyễn Thị Hồng H, chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh An Phú.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 29 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **7** (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Về quan hệ con chung: Ông T và bà H thống nhất giao con chung là cháu Cao Thị Huỳnh T, sinh ngày 22/01/2013 cho bà H nuôi;

Bà Nguyễn Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Cao Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

Về cấp dưỡng: Cả hai thống nhất mức cấp dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu thực hiện là vào ngày 15/9/2017, duy trì cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

V*ề quan hệ tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận ngày 28/9/2017 và yêu cầu Tòa án ghi nhận vào Quyết định hòa giải thành:

Nhận thấy nội dung thỏa thuận không trái pháp luật và các bên và đại diện Ngân hàng N cùng đồng ý nên Tòa án ghi nhận.

Căn cứ điểm d, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nội dung thỏa thuận như sau:

- Ông T và bà H thống nhất thỏa thuận, bà H không tranh chấp tài sản chung, bà H đồng ý giao toàn bộ tài sản cho ông T gồm:

- 01 căn nhà, ngang 3,8 m dài 20 m (nhà lợp tôn, vách tôn, phía trước cuốn nền, phía sau lót ván) đang ở hiện nay,

- 2.056 m^2 đất ruộng tọa lạc tại ấp Vĩnh P, xã V Hội Đông, theo 02 giấy chứng nhận QSD đất: CE 767718 do sở Tài nguyên môi trường An Giang cấp ngày 25/11/2016, số vào sổ: CS 01313; giấy chứng nhận QSD đất số BX 788898 do UBND huyện An Phú cấp ngày 09/4/2015, số vào sổ 01067.

Về tài sản chung là 2.056 m^2 đất nông nghiệp do cả hai vợ chồng cùng đứng tên quyền sử dụng đất, đang thế chấp tại Ngân hàng N, sẽ thực hiện sang tên lại cho ông T khi ông T thanh toán xong khoản nợ Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 314/2017 ngày 05/4/2017 và hợp đồng thế chấp số 0269 ngày 05/4/2017.

Về nợ chung: Ông T và bà H và Đại diện Ngân hàng N đồng ý cho ông Cao Văn T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi và vốn gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng cho đến khi kết thúc hợp đồng (do hợp đồng vẫn chưa đến hạn thanh toán nên yêu cầu ghi nhận trong Quyết định để thực hiện), theo quy định Điều 370, Điều 371 BLDS 2015. Do đây là tài sản đang thế chấp cho bên thứ ba là Ngân hàng nên đã được Ngân hàng đồng ý chuyển giao nghĩa vụ cho ông T thực hiện.

Tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng số 314/2017 ngày 05/4/2017 và hợp đồng thế chấp số 0269 ngày 05/4/2017 để đảm bảo khoản vay.

6. Về án phí: Do các đương sự tự thỏa thuận về tài sản trước ngày hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong Quyết định nên không phải chịu án phí đối với việc ghi nhận chia tài sản chung.

Ông T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân. Ngoài ra ông T còn phải chịu án phí cấp dưỡng 150.000 đồng. Được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0011114 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án huyện An Phú Ông T không phải nộp thêm.

Bà H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh An Giang;
- VKS huyện An Phú;
- CC.THA huyện An Phú;
- UBND xã Vĩnh Hội Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Phong Phi